

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2020/DS-ST

Ngày: 23/7/2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng
đất về việc lấn chiếm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Lương Thị Tý – Bà Trần Thị Oanh**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lò Văn Som - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:*
Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên

Ngày 23/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-DS, ngày 12/12/2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất về việc lấn chiếm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 12/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-ST ngày 09/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Tiến Ch (tên gọi khác: Hồ A Ch) – Sinh năm: 1977; Bà Giàng Thị D (Tên gọi khác: Giàng Kim D – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Tiến Ch (tên gọi khác: Hồ A Ch) – Sinh năm: 1977, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, tỉnh Điện Biên. Theo giấy ủy quyền ngày 02/3/2019 được xác nhận của Ban giám thị trại giam Nà Tấu.

2. *Bị đơn gồm:* Ông Lý Văn Ch – Sinh năm: 1954

Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã P, huyện Than Uyên, Lai Châu (vắng mặt không có lý do).

Ông Lý Văn Đ – Sinh năm: 1971

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã P, huyện Than Uyên, Lai Châu (có mặt).

Ông Vàng A Th – Sinh năm: 1971

Nơi ĐKKHKT: Bản S, xã P, huyện Than Uyên, Lai Châu (vắng mặt không có lý do).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị Ph – Sinh năm: 1971

Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt)

4. *Người làm chứng:* Ông Lò Văn C – Sinh năm: 1964

Ông Lò Văn Đ – Sinh năm: 1937

Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã P, huyện Than Uyên, Lai Châu (vắng mặt không có lý do).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019 và các tài liệu khác có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Giàng Thị D trình bày:

Gia đình bà Giàng Thị D chuyển từ xã Tà Hừa ra Bản S, xã P, huyện Than Uyên từ năm 2003 thì có một mảnh đất cạnh nhà bà không có người canh tác và sử dụng. Vào khoảng năm 2009 – 2010, nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà không nhớ chính xác về thời gian thì có cán bộ đến đo đạc, chồng bà là ông Hồ Tiến Ch (Hờ A Ch) khi đó đã chỉ cho cán bộ đo đạc và đưa mảnh đất đó vào trong bản kê đất của nhà bà. Năm 2011, gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 924249 cấp ngày 06/7/2011. Mảnh đất đang tranh chấp nằm ở thửa số 8 tờ bản đồ số 126 tại Bản S, xã P huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu có tứ cận như sau: Phía Đông giáp với rừng phòng hộ; phía Tây giáp đất nhà ông Vàng A S; phía Nam giáp đất nhà ông Phó (ông Phó đã chết); phía Bắc giáp với khe suối. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình bà không trồng cây gì, đến năm 2016 bà đào hồ trồng chè thì gia đình ông Lý Văn Ch lên tranh chấp ngăn cản việc nhà bà trồng chè có diện tích là 8.657m²; đối với ông Vàng Văn Th vào năm 2014, ông tự đào hào trồng sắn trên diện tích khoảng hơn 3000 m²; ông Lý Văn Đ lấn chiếm khoảng 10.000m². Toàn bộ số đất các bị đơn lấn chiếm đều nằm trong thửa số 1 và thửa số 8 tờ bản đồ số 126. Bà làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Phúc Than giải quyết nhưng không thành. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý Văn Ch, Lý Văn Đ, Vàng Văn Th phải trả lại phần đất đã lấn chiếm: Ông Lý Văn Ch phải trả diện tích đất 8.657m²; ông Lý Văn Đ trả diện tích đất là 10.000m² ; ông Vàng Văn Th phải trả diện tích là 3000 m². Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Lý Văn Đ trình bày: Năm 2007, ông được ông Lý Văn Ch trú tại Bản B, xã P cho 01 mảnh đất làm lán chăn nuôi và đào ao, sau đó ông làm lán trồng lúa ngô, khoai sọ, đến năm 2011, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bìa đỏ số BĐ 948384 tờ bản đồ số 126 thửa số 2 có diện tích 7206m². Năm 2018, khi ông thuê máy xúc đào hào, đào ao thì xảy ra tranh chấp vì bà D cho rằng ông lấn chiếm đất của gia đình bà nên ngăn cản. Hiện nay, bà D

khởi kiện buộc ông phải trả diện tích đất lấn chiếm là 10.000m², ông không nhất trí, quan điểm của ông là nếu mảnh đất ông đang sử dụng mà thừa so với diện tích được nhà nước cấp thì ông sẽ trả lại cho bà D.

Bị đơn ông Vàng Văn Th trình bày: Năm 2001, ông chuyển từ bản Huồi Phi, xã Mường Than đến Bản S, xã P, đến năm 2008, ông khai hoang được mảnh đất có diện tích 1.000m², khi đó chưa có hộ gia đình nào sinh sống. Mảnh đất này giáp danh nhà em ông Vàng A D; Vàng A L và các hộ ông V, ông Th. Bà D khởi kiện yêu cầu ông trả diện tích đất ông lấn chiếm là 3.000m², ông không nhất trí vì đây là đất ông khai hoang. Cùng năm 2011, ông được UBND huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 mảnh đất khác tại bìa đồ số: BĐ 924162, tờ bản đồ số 126, thửa số 5 có diện tích là 13463,1m².

Bị đơn ông Lý Văn Ch trình bày: Mảnh đất đang tranh chấp là do ông khai phá từ năm 1972 để trồng lúa nương, ngô, sắn có diện tích khoảng 10.000m². Đến năm 1974 do trâu bò phá hoại nên bỏ hoang. Đến năm 2007, ông cho Lý Văn Đ, trú tại Bản N, xã P để làm lán chăn nuôi, đào ao, trồng sắn, ngô, khoai sọ. Đồng thời, nhờ Lý Văn Đ quản lý trông coi hộ thửa đất của ông Chài hiện nay đang tranh chấp với bà D. Đến năm 2018, Lý Văn Đ thuê máy xúc đào ao, đào hào xung quanh thửa đất, gia đình ông cũng dựng lán trại để chăn nuôi thì xảy ra tranh chấp, mảnh đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà D khởi kiện buộc ông trả diện tích đất là 8.657m², quan điểm của ông không đồng ý vì ông cho rằng đây là diện tích mà ông khai phá từ năm 1972.

Người có quyền lợi liên quan bà Lò Thị Ph đồng quan điểm với chồng bà là ông Lý Văn Đ về nguồn gốc và quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn Giàng Thị D.

Người làm chứng ông Lò Văn C trình bày: Năm 1973, ông được cùng bố đẻ là ông Lò Văn Đ và ông Lý Văn Ch lên khai phá để trồng lúa nương, trồng sắn, trồng ngô đến năm 1979 thì bỏ hoang do chiến tranh. Đến năm 1982 ông tiếp tục lên làm nương, trồng sắn, ngô đến năm 1996 nhà nước vận động người dân trồng cây nhưng do điều kiện gia đình khó khăn, thiếu vốn mua cây giống nên gia đình ông không trồng gì cho đến nay nhưng ông vẫn quản lý. Số diện tích đất khoảng hơn 2 hécta hiện đang nằm tại thửa số 1, tờ bản đồ số 126 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Giàng Kim D và Hồ A Ch, hiện không có tranh chấp, bản thân ông vẫn quản lý, nếu sau khi chồng bà D đi chấp hành án về không thỏa thuận được các yêu cầu ông đưa ra thì ông sẽ khởi kiện gia đình bà D, ông Chénh.

Người làm chứng ông Lò Văn Đ trình bày: Ông và ông Lý Văn Ch là anh em rể với nhau. Vào những năm 1964 – 1965, sau khi đi bộ đội về ông không nhớ chính xác năm nào, ông cùng gia đình khai phá được thửa đất hiện nay vẫn đang được quản lý của con trai ông là ông Lò Văn C. Trước đó, mảnh đất này ông trồng cây sắn, ngô, lúa được 10 năm rồi trở về bản Sân Bay sinh sống cho đến

ngày nay. Sau khi ông lên khai được khoảng 5 – 6 năm thì có ông Lý Văn Ch cũng lên khai phá thửa đất giáp ranh với thửa đất của ông để trồng lúa nương có tứ cận phía Tây giáp đất nhà ông, phía Đông giáp rừng phòng hộ; phía Nam giáp với đất nhà ông Phó (ông Phó đã chết); phía Bắc giáp khe suối. Ông Lý Văn Ch trồng cây mậy vụ lúa rồi bỏ hoang làm bãi chăn thả trâu bò, không sử dụng liên tục.

Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã đưa vào thụ lý theo thẩm quyền, thu thập các tài liệu chứng cứ theo quy định, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 04/3/2020 có sự tham gia của các đương sự và các cơ quan chuyên môn. Kết quả đo đạc đã xác định được diện tích đất do các bị đơn Lý Văn Ch lần chiếm có diện tích là 10.324,4m²; Vàng A Th lần chiếm 820m²; Lý Văn Đ lần chiếm 323m² (số liệu đo từng đoạn có sơ đồ kèm theo). Các đương sự đều nhất trí về vị trí mốc giới và số đo như trên. Nguyên đơn bà D cũng nhất trí theo diện tích đất do các bị đơn lần chiếm theo kết quả đo đạc.

Sau khi thụ lý nguyên đơn không bổ sung yêu cầu khởi kiện, các bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận chứng cứ, các đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cũng như các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập, các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác.

Quá trình giải quyết đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất, thỏa thuận được. Nguyên đơn bà D vẫn đề nghị các bị đơn phải trả phần đất lần chiếm, các bị đơn không nhất trí theo yêu cầu của bà D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng.

Đối với những người tham gia tố tụng thì trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa các đương sự chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

Về nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 227, 229, 266, 267 – Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 138 – Bộ luật dân sự; Điều 166; 170; 203 – Luật đất đai 2013. Buộc các bị đơn trả lại phần đất lần chiếm cho bà Giàng Thị D.

Về án phí: Căn cứ điều 143, 147 – Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu về việc “Tranh chấp đất đai” là tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu được quy định tại khoản 9 Điều 26 – Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, các bị đơn cư trú và bất động sản đang tranh chấp tại xã Phúc Than, Than Uyên, tỉnh Lai Châu nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 – BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lý Văn Ch và Vàng A Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227; Điều 229 – Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về nguồn gốc đất nguyên đơn bà Giàng Thị D đã trình bày năm 2003 gia đình bà chuyển từ xã Tà Hừa ra bản Sam Sầu xã Phúc Than sinh sống, thời điểm này mảnh đất đang tranh chấp là bãi chăn thả trâu bò, không ai quản lý giáp mảnh đất gia đình bà sinh sống. Đến năm 2010, khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chồng bà (ông Chénh) đã kê khai và làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011, sau khi thẩm định về các điều kiện của chủ sử dụng đất, gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bìa đỏ số BĐ 924249; 924248 có tổng diện tích trên 5 hécta ngày 06/7/2011 với các loại đất khác nhau. Việc tranh chấp đất đai xảy ra tại thửa số 1 và thửa số 8 tờ bản đồ số 126 với các bị đơn là đất trồng cây hàng năm. Thời gian sau này bản thân bà trông coi nhưng không trồng cây gì, đến năm 2016, khi có chủ trương trồng chè thì xảy ra tranh chấp giữa bà và các bị đơn.

Đối với trình bày của ông Lý Văn Ch thì ông cho rằng diện tích khoảng 10.000m² đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 8 tờ bản đồ số 126 đã cấp cho bà D ông Chénh có nguồn gốc ông khai phá và sử dụng từ năm 1972. Hội đồng xét thấy việc trình bày như trên là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ: Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì năm 1972, ông Chài khai phá được 10.324,4m² đất, ông sử dụng được khoảng vài năm thì bỏ hoang, đến năm 2007 thì cho cháu Lý Văn Đ để trông coi quản lý giúp.

Căn cứ dự án “Thành lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai các xã thị trấn

huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu thẩm định và phê duyệt theo quyết định số 2134/2009/QĐ-UBND ngày 24/12/2008; Hướng dẫn 112/HD-STNMT ngày 19/3/2009 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Lai Châu về việc “Hướng dẫn thực hiện công tác đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, cấp GCNQSD đất và xây dựng cơ sở dữ liệu QLDD thuộc dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính và CSDL QLDD trên địa bàn tỉnh Lai Châu”. Đơn vị đo đạc thuộc Công ty TNHH TM Quốc tế Tứ Duy – Thịnh Đạt đã phối hợp với UBND xã Phúc Than triển khai đo vẽ lập bản đồ địa chính và công khai trên địa bàn toàn xã về hình thửa, diện tích, mốc sử dụng đất ranh giới đối với diện tích đất mà gia đình bà D ông Chénh đã được cấp là thửa đất số 8 tờ bản đồ số 126 có một phần diện tích 10.324,4m² là do ông khai phá từ năm 1972 nhưng ông cũng không tiến hành đăng ký kê khai để được cấp quyền sử dụng, bản thân ông cũng không có khiếu nại gì về việc bà Giàng Thị D được cấp quyền sử dụng đối với diện tích nói trên trong suốt quá trình ông Chénh, bà D được cấp quyền sử dụng đất.

Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ về quy trình, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Chénh và bà D thì thấy rằng: Trong quá trình xét phê duyệt hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D, Ủy ban nhân dân xã Phúc Than, Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành thẩm định hồ sơ đúng quy định về trình tự thủ tục như lập danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập tờ trình về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Phúc Than trong đó có hộ bà D, ông Chénh và được công khai danh sách xét duyệt tại các bản trên xã Phúc Than.

Ngày 28/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên ban hành quyết định số: 488a/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Phúc Than kèm theo danh sách do Phòng tài nguyên và môi trường huyện lập. Theo đó, bà Giàng Thị D và ông Hồ Tiến Ch được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 924248 và 924249 ngày 06/7/2011 có nhiều thửa và nhiều loại đất khác nhau nhưng trong đó có 02 thửa đất trồng cây hàng năm số 1 có diện tích là 22227,6m²; thửa số 8 có diện tích là 19691,3m² là hai thửa đang xảy ra tranh chấp, ngoài ra còn các diện tích đất nông nghiệp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Tiến Ch và Giàng Kim D của Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên đã thực hiện đúng trình tự về quy trình thủ tục quy định của pháp luật.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Chài vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì, cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh một phần diện tích khoảng 10.324,4m² tại thửa số 8 tờ bản đồ số 126 là do ông khai phá từ năm 1972. Hơn nữa, ông Lý Văn Ch cho rằng không

biết mảnh đất đang tranh chấp đã được cấp cho hộ ông Ch và bà D. Nhưng cùng thời điểm năm 2011, gia đình ông cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bản B, xã P nhưng ông không tiến hành đăng ký kê khai mảnh đất đang tranh chấp nói trên. Quá trình xem xét phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ch, bà D, Ủy ban nhân dân xã Phúc Than đã niêm yết công khai danh sách các thửa đất bà D, ông Ch đăng ký, phía ông Chài không có ý kiến hay khiếu nại gì. Vì những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định diện tích đất 10.324,4m² đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Ch bà D là của ông Lý Văn Ch.

Đối với ông Vàng Văn Th thì cho rằng : Năm 2008 bản thân ông cũng khai phá được 01 mảnh đất giáp hộ nhà bà D, ông Ch. Ông đào hào làm ranh giới giữa đất nhà bà D với đất nhà ông, ông trồng sắn, ngô có diện tích khoảng 1000m² giáp ranh giữa đất nhà anh Vàng A Dơ, Vàng A Lử.

Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ được đơn vị tư vấn của Công ty cổ phần ứng dụng Tài nguyên – Môi trường: Bị đơn Vàng A Th và nguyên đơn Giàng Thị D thống nhất lấy mốc giới là rãnh thông hào do ông Thái đào và tiến hành đo tổng chiều dài phần đất lấn chiếm là 63,8m gồm 5 đoạn (có sơ đồ kèm theo) đã xác định được diện tích ông Vàng A Th đang lấn chiếm của bà D là 820m² có tứ cận: Phía Đông và phía Nam giáp đất nhà bà Giàng Thị D; phía Bắc giáp đất nhà Giàng Thị D; phía Tây giáp đất nhà anh Vàng A Sỹ.

Quá trình giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên ông Thái cũng cho rằng khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông cũng được thông báo và khi đi đo đạc số liệu thì bản thân ông chỉ đo đạc đúng phần đất của mình. Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã thu thập được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Vàng A Th giao nộp số BĐ 924162 ngày 06/7/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp cho hộ ông Vàng A Th và Sùng Thị D được thể hiện trên sổ địa chính và sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 5 tờ bản đồ số 126 có diện tích là 13463,1m².

Như vậy, việc ông Vàng A Th cho rằng phần diện tích 820m² đất có tứ cận như trên là đất của gia đình nhà ông là không có căn cứ.

Đối với ông Lý Văn Đ ông cho rằng: Mảnh đất ông đang quản lý và sử dụng là do ông Lý Văn Ch cho ông, ông sinh sống ở đó từ năm 2007, mở rộng mảnh đất đó bằng việc đào ao, đào hào. Tuy nhiên, khi đào ao thả cá thì bản thân ông không xác định được mốc giới giữa đất nhà bà D và nhà ông, vì vậy, ông đã đào ao lấn sang thửa số 1 tờ bản đồ số 126 của hộ bà D. Quá trình thẩm định xem xét tại chỗ đã xác định được mốc giới giữa các thửa đất của hộ ông Lý Văn Đ và bà Giàng Thị D. Sau khi đo đạc thì có kết quả phần diện tích ao thả cá mà ông Định đang sử dụng nằm trong thửa đất số 1 tờ bản đồ số 126 có diện tích là 323m² (mốc giới các bên đã thống nhất cắm mốc khi cán bộ tư vấn tiến hành đo đạc). Ông Lý Văn Đ cũng đã xuất trình cho Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 948384 ngày 07/7/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp cho hộ ông Lý Văn Đ và bà Lò Thị Ph có thửa đất số 2 tờ bản đồ số 126 với diện tích là 7206m² có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất rừng phòng hộ; phía Tây và phía Nam giáp Giàng Thị D; Phía Bắc giáp khe suối;

Đối với phần yêu cầu khởi kiện ban đầu về diện tích đất mà bà yêu cầu các bị đơn phải trả cho bà có sự chênh lệch so với đo đạc thực tế là do ban đầu không xác định được ranh giới đất giữa các hộ. Khi tiến hành hòa giải tại TAND huyện Than Uyên sau khi đo đạc thẩm định bà D cũng đã nhất trí với số liệu đo đạc thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh số liệu diện tích đất theo số liệu đo đạc của cơ quan chuyên môn để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng việc khởi kiện của nguyên đơn Giàng Thị D và Hồ Tiến Ch là có căn cứ và cần chấp nhận. Buộc các bị đơn phải trả phần diện tích đã được đo đạc trên thực địa cho nguyên đơn Giàng Thị D như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Than Uyên cấp cho hộ Hồ Tiến Ch và Giàng Thị D.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Giàng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với các bị đơn Lý Văn Ch, Lý Văn Đ cư trú tại bản Sân Bay và bản Nà Phái là các bản thuộc xã có điều kiện kinh tế khó khăn theo quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp bà D tự nguyện chịu chi phí nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 85; Điều 86; Điều 143; Điều 147, Điều 203, Điều 227; Điều 229, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138 – Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 166; 170; 203 – Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giàng Thị D đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ A Ch đối với các bị đơn Lý Văn Ch, Lý Văn Đ, Vàng Văn Th về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2/ Buộc ông Lý Văn Ch có nghĩa vụ trả cho bà Giàng Thị D diện tích đất 10.324,4m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 8 tờ bản đồ số 126 được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Tiến Ch và bà Giàng Thị D. Đất có vị trí tại Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp rừng phòng hộ.
- Phía Tây giáp đất bà D
- Phía Nam giáp đất bà D
- Phía Bắc giáp đất bà D.

3/ Buộc ông Lý Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Giàng Thị D diện tích đất 323m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 1 tờ bản đồ số 126 được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Tiến Ch và bà Giàng Thị D. Đất có vị trí tại Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp với đất ông Định.
- Phía Tây giáp đất bà D
- Phía Nam giáp đất nhà bà D
- Phía Bắc giáp khe suối.

4/ Buộc ông Vàng Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Giàng Thị D diện tích đất 820m² thuộc một phần diện tích thửa đất số 8 tờ bản đồ số 126 được Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hồ Tiến Ch và bà Giàng Thị D. Đất có vị trí tại Bản S, xã P, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu có tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất bà D
- Phía Tây giáp đất Vàng A Sỹ
- Phía Nam giáp đất bà D
- Phía Bắc giáp đất bà D.

(Sơ họa hiện trạng đất tranh chấp là một phần không thể tách rời của bản án này).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Giàng Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận. Số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2010/0004427 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên nay được trả lại cho bà D.

Bị đơn Lý Văn Ch và Lý Văn Đ miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Vàng A Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương lên Tòa án nhân dân cấp trên để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND H. Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Oanh

Lương Thị Tý

Lương Thị Mỹ Hằng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Mỹ Hằng

